

Số: 3279/BCT-CTĐP

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2023

V/v báo cáo tình hình phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; theo đó Bộ Công Thương có nhiệm vụ xây dựng dự thảo và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án: “Giải pháp phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Để có những thông tin về tình hình hoạt động và phát triển của làng nghề tiểu thủ công nghiệp (TTCN) giai đoạn vừa qua, và những đề xuất giải pháp phát triển các làng nghề TTCN giai đoạn tới; Bộ Công Thương đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm, chỉ đạo Sở, ngành có liên quan thực hiện nội dung sau:

Báo cáo tình hình phát triển làng nghề nói chung và làng nghề TTCN nói riêng trên địa bàn tỉnh, thành phố giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2022 theo các nội dung như Đề cương gửi kèm. Báo cáo của các tỉnh, thành phố xin gửi về Bộ Công Thương trước ngày 20 tháng 6 năm 2023 theo địa chỉ: Cục Công Thương địa phương, số 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Tel: 024.22218345; Email: huongngth@moit.gov.vn để tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, CTĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tình hình phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp

(Kèm theo Công văn số 3279/BCT-CTĐP ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ Công Thương).

I. LÀNG NGHỀ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP (TTCN)

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn: “*Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định này*”. Các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định ở đây gồm: (1) Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; (2) Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; (3) Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; (4) Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; (5) Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh; (6) Sản xuất muối; (7) Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

Làng nghề TTCN là làng nghề có hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, bao gồm các hoạt động ngành nghề nông thôn: (1), (2), (3) và (4) nêu ở trên.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

- Các chính sách đã ban hành về phát triển làng nghề, làng nghề TTCN thời gian qua (các chính sách khuyến khích hỗ trợ, phát triển làng nghề đã ban hành; các chính sách về phòng chống ô nhiễm môi trường làng nghề, cụm công nghiệp làng nghề đã ban hành; chính sách về Bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp). *Chi tiết theo Biểu số 01*

- Đánh giá hiệu quả về kinh tế - xã hội của các chính sách đã ban hành để phát triển làng nghề, làng nghề TTCN giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2022 trên địa bàn tỉnh/thành phố.

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TTCN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2022

1. Kết quả phát triển làng nghề, làng nghề TTCN (chi tiết theo Biểu số 02)

- Tình hình công nhận làng nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống

+ Số lượng;

+ Địa chỉ;

+ Nhóm ngành nghề (phân chia theo 7 nhóm ngành nghề được quy định tại Điều 4 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 về phát triển ngành nghề nông thôn)

+ Năm công nhận

- Bảo vệ môi trường làng nghề (đã rà soát/chưa rà soát các tiêu chí công nhận đảm bảo điều kiện về bảo vệ môi trường).

2. Kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh trong làng nghề TTCN (chi tiết theo biểu số 03, số 04): đối với từng nhóm ngành nghề

- Doanh thu
- Vốn và tài sản
- Nộp ngân sách nhà nước
- Thu nhập bình quân của lao động
- Thời gian hoạt động trong năm của làng nghề
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề
- Tình hình đăng ký thương hiệu sản phẩm của làng nghề
- Văn bản bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định
- Tình hình xử lý nước thải trong làng nghề
- Tình hình xử lý chất thải rắn/rác thải trong làng nghề
- Tình hình xử lý khí thải/bụi trong làng nghề
- Tình hình xử lý ô nhiễm môi trường khác (nếu có)
- Các nội dung hỗ trợ phát triển làng nghề trong thời gian qua: Hỗ trợ về mặt bằng sản xuất; về tín dụng, đầu tư; xúc tiến thương mại; khoa học công nghệ; đào tạo nhân lực; trang thiết bị máy móc công nghệ; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, môi trường làng nghề;...

3. Đánh giá chung

- Thuận lợi
- Khó khăn, hạn chế, nguyên nhân
- Các bài học kinh nghiệm

4. Định hướng và giải pháp phát triển làng nghề TTCN giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Định hướng
- Giải pháp
- Đề xuất, kiến nghị

Biểu số 01

**CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ,
LÀNG NGHỀ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP BAN HÀNH GIAI ĐOẠN 2015-2022
CỦA TỈNH.....**

STT	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển làng nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp	Chính sách về Bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp	Chính sách về hỗ trợ triển khai Chương trình chuyển đổi số đối với làng nghề, làng nghề TTCN	Chính sách về phòng chống ô nhiễm môi trường làng nghề, cụm công nghiệp làng nghề
1					
2					
3					
...					

Biểu số 02

DANH SÁCH CÁC LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG, NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN GIAI ĐOẠN 2015-2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

TT	Tên làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống được công nhận			Địa chỉ	Năm công nhận	Bảo vệ môi trường làng nghề (đã rà soát/chưa rà soát các tiêu chí công nhận đảm bảo điều kiện về BVMT)
	Làng nghề	Làng nghề truyền thống	Nghề truyền thống			
1						
2						
3						
...						

Nhóm ngành nghề: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

[illegible]

Nhóm ngành nghề: Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ

[illegible]

Biểu 3C. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT TRONG LÀNG NGHỀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2015-2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH....

Nhóm ngành nghề: Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn

[illegible]

Biểu 3D. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT TRONG LÀNG NGHỀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2015-2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH....

Nhóm ngành nghề: Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ

[illegible]

Biểu số 04

**PHIẾU KHẢO SÁT PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2015-2022**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ LÀNG NGHỀ

1. Tên làng nghề:

2. Địa chỉ:

3. Tên đơn vị quản lý làng nghề

4. Làng nghề có được công nhận không: Có ☐ Không ☐

Nếu có, năm công nhận:

5. Có phải làng nghề truyền thống được công nhận không:
Có ☐ Không ☐

6. Nhóm ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của làng nghề:

☐ Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

☐ Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ

☐ Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn

☐ Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ

7. Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề

- Số lượng doanh nghiệp:

- Số Hợp tác xã:

- Số Tổ hợp tác:

- Số Hộ gia đình:

8. Tổng số lao động trong làng nghề:

- Số lao động thường xuyên:

- Số chuyên gia có tay nghề cao:

9. Địa điểm sản xuất kinh doanh của làng nghề?

Trong cụm công nghiệp ☐

Trong khu dân cư ☐

10. Làng nghề có khu vực giới thiệu về sản phẩm làng nghề?
Có ☐ Không ☐

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, LAO ĐỘNG TRONG LÀNG NGHỀ

1. Doanh thu 2015-2022:

2. Vốn và tài sản:

3. Nộp ngân sách nhà nước năm 2015-2022:

4. Thu nhập bình quân của lao động: triệu đồng/người/tháng

5. Thời gian hoạt động trong năm của làng nghề?
 Cả năm ☐ Thời vụ ☐

6. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề?

Tiêu thụ trong nước:% Xuất khẩu:%

7. Tình hình đăng ký thương hiệu sản phẩm của làng nghề:

Sản phẩm	Tên thương hiệu	Năm đăng ký
1.		
2.		
3.		

III. TÌNH HÌNH XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

1. Văn bản bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định (cam kết, phương án bảo vệ môi trường...)? Có ☐ Không ☐

2. Tình hình xử lý nước thải trong làng nghề?

- Làng nghề có tạo ra nước thải trong quá trình sản xuất không?

Có ☐ Không ☐

- Làng nghề có khu thu gom xử lý nước thải tập trung không?

Có ☐ Không ☐

- Hình thức xử lý đang được áp dụng:

3. Tình hình xử lý chất thải rắn/rác thải trong làng nghề?

- Làng nghề có tạo ra chất thải rắn trong quá trình sản xuất không?

Có ☐ Không ☐

- Làng nghề có điểm thu gom xử lý rác thải tập trung không?

Có ☐ Không ☐

- Hình thức xử lý đang được áp dụng:

4. Tình hình xử lý khí thải/bụi trong làng nghề?

- Làng nghề có khí thải/bụi sản xuất không?

Có ☐ Không ☐

- Nếu có, khí thải/bụi có được xử lý hay không?

Có ☐ Không ☐

- Hình thức xử lý đang được áp dụng:

5. Tình hình xử lý ô nhiễm môi trường khác (nếu có)?

Có ☐ Không ☐

- Loại hình ô nhiễm và hình thức xử lý đang được áp dụng (nếu có):

.....

IV. Làng nghề có được hỗ trợ phát triển trong năm qua không?

Có ☐ Không ☐

Nếu có, trả lời bảng dưới đây:

Hình thức hỗ trợ	Hỗ trợ	Nguồn vốn hỗ trợ (tỷ đồng)		
	1.Có 2.Không	NSTW	NSDP	Khác
- Hỗ trợ về mặt bằng sản xuất				
- Hỗ trợ về đầu tư, tín dụng				
- Hỗ trợ xúc tiến thương mại (xây dựng trang thông tin điện tử, thiết kế mẫu mã, bao bì sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, bảo hộ thương hiệu, hội chợ, hội thi...)				
- Hỗ trợ về khoa học công nghệ				
- Hỗ trợ đào tạo nhân lực				
- Hỗ trợ về trang thiết bị máy móc công nghệ				
- Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, môi trường làng nghề				
- Khác (ghi rõ)				

V. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ CỦA LÀNG NGHỀ

1. Thuận lợi:

.....

2. Khó khăn:

.....

3. Giải pháp phát triển thời gian tới:

.....

4. Kiến nghị:

.....

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)